CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT

Ngày 31/12/2025	63,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.7%	**-1.5%**	**-4.8%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	50,307 - 77,980
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,172
Số lượng CPLH (CP)	18,419,884
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,130
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	0.50
EPS	8,515
P/E	7.5

DT thuần
Q4/25
256
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.0| 15.9%
YoY: ▲ 31.0| 13.8%

LN thuần
Q4/25
59.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10| 3.7%
YoY: ▲ 10.7| 21.9%

LN sau thuế
Q4/25
47.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.40| 3.1%
YoY: ▲ 9.80| 26.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
24.4%
YoY: +/-▲ 0.6%

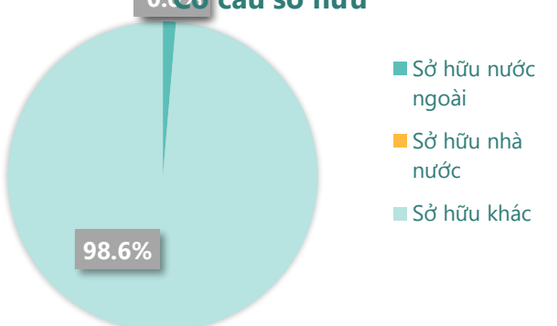
ROE
2025
19.8%
YoY: +/-▲ 2.6%

DT thuần
2025
805
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 100| 14.2%

LN thuần
2025
196
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0| 16.9%

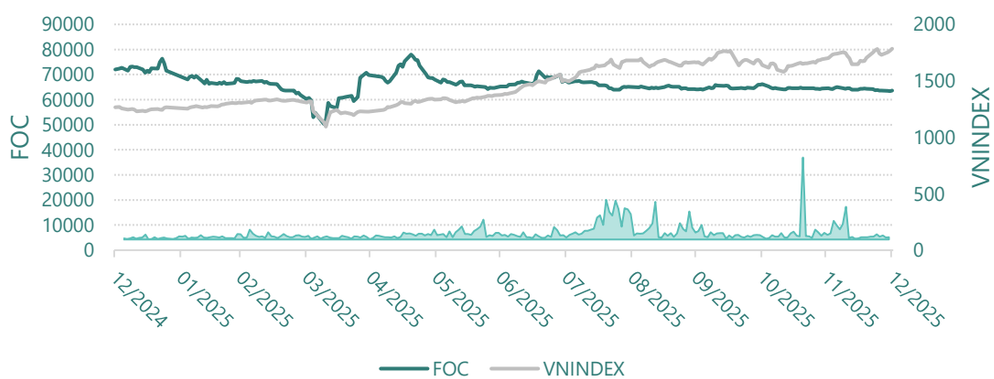
LN sau thuế
2025
157
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 18.1%

Cơ cấu sở hữu

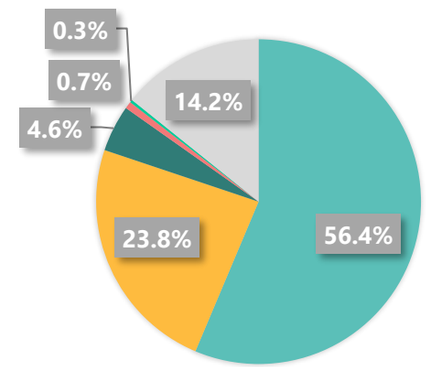


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



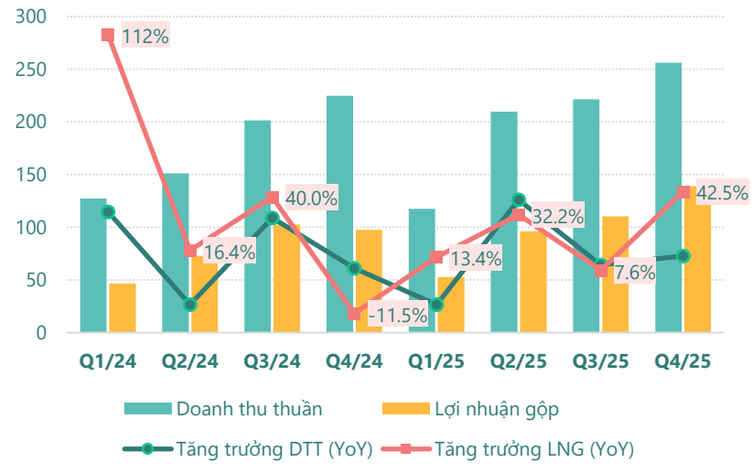
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

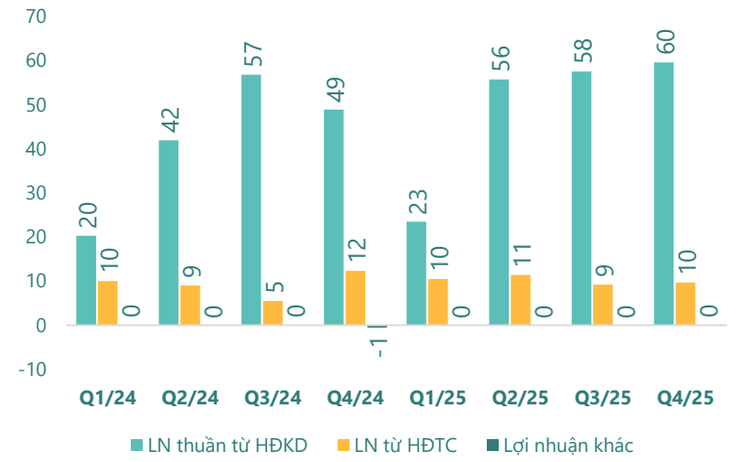
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



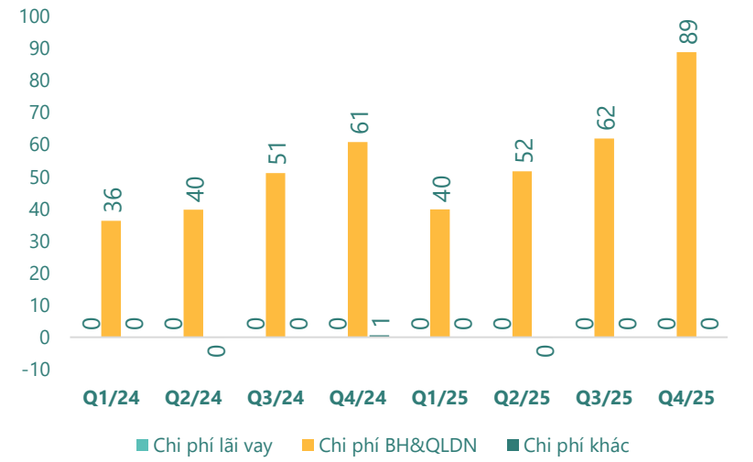
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



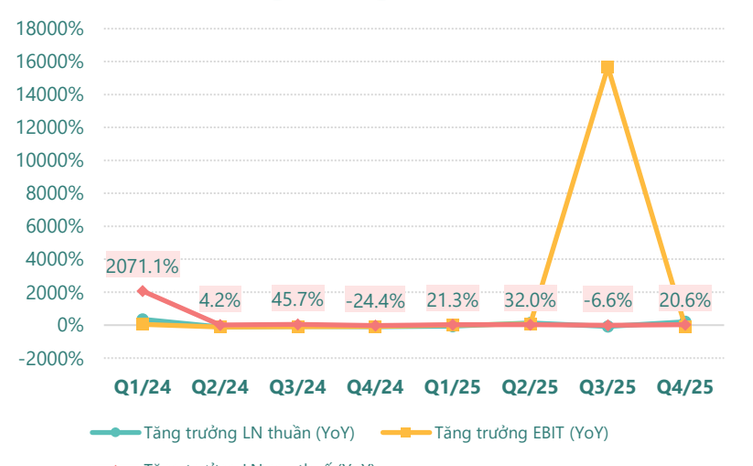
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



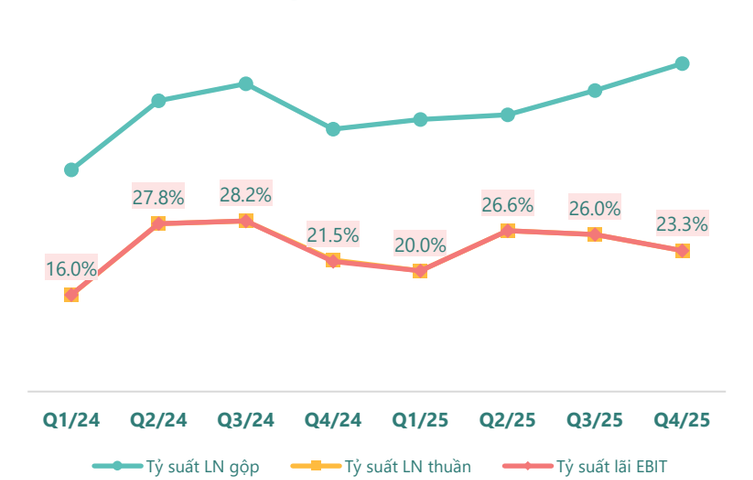
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



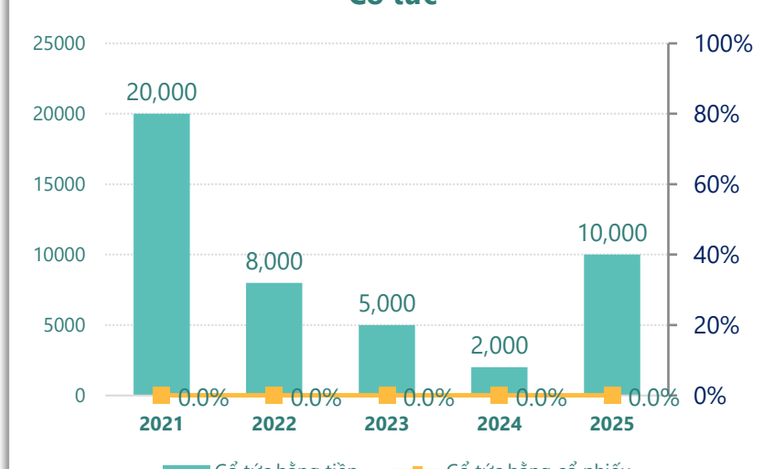
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

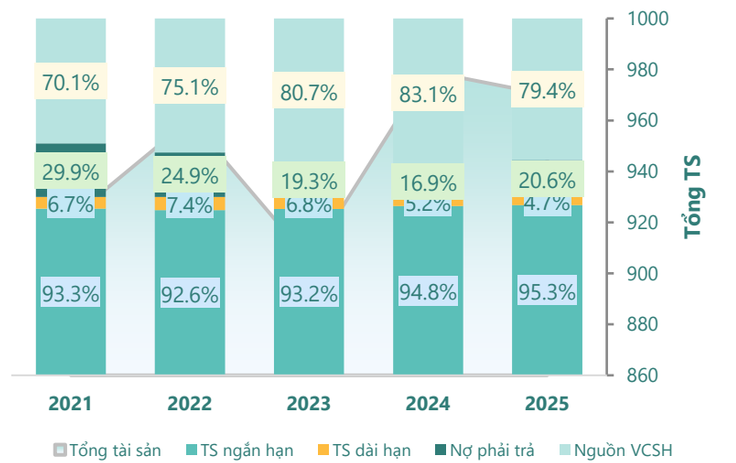
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

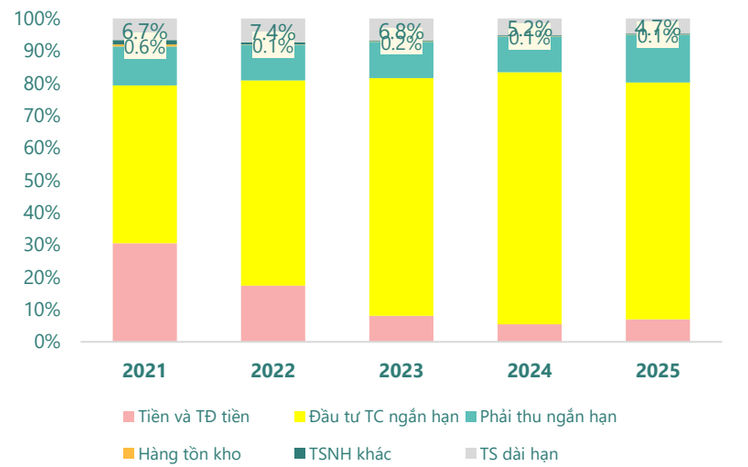
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



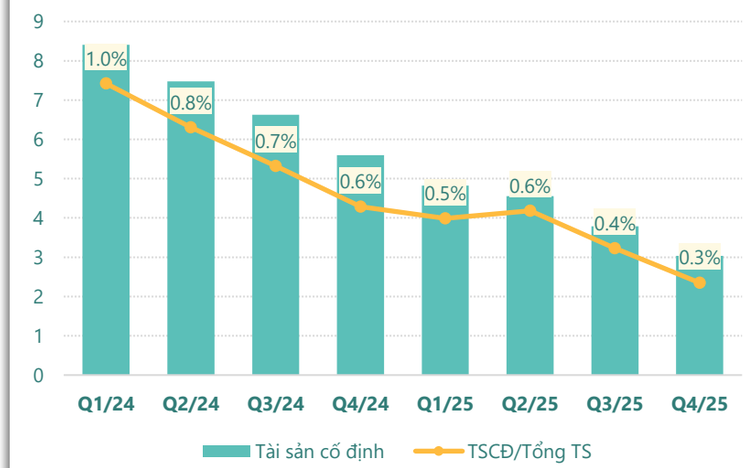
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



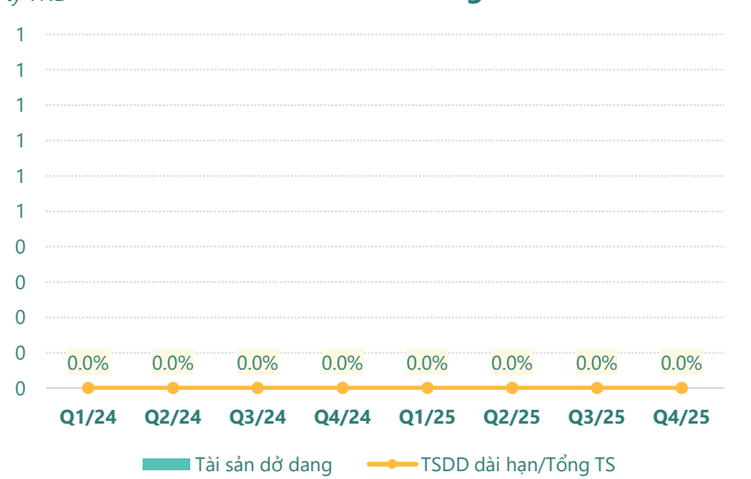
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



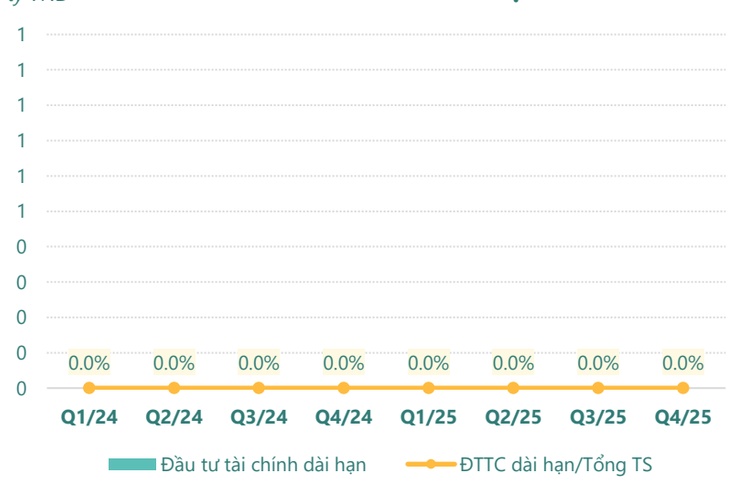
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



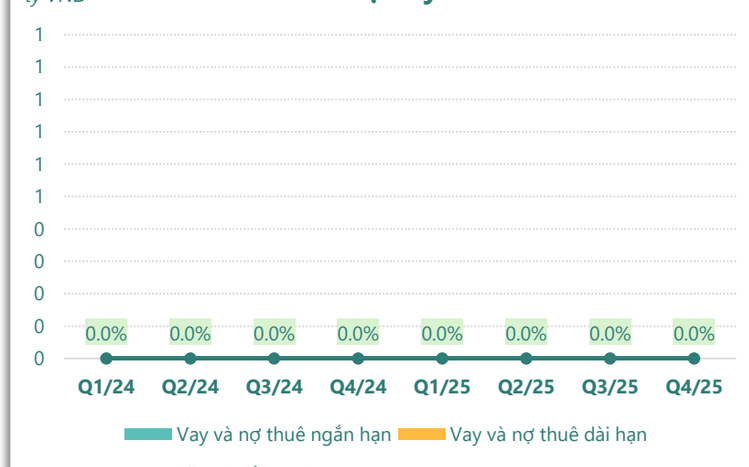
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

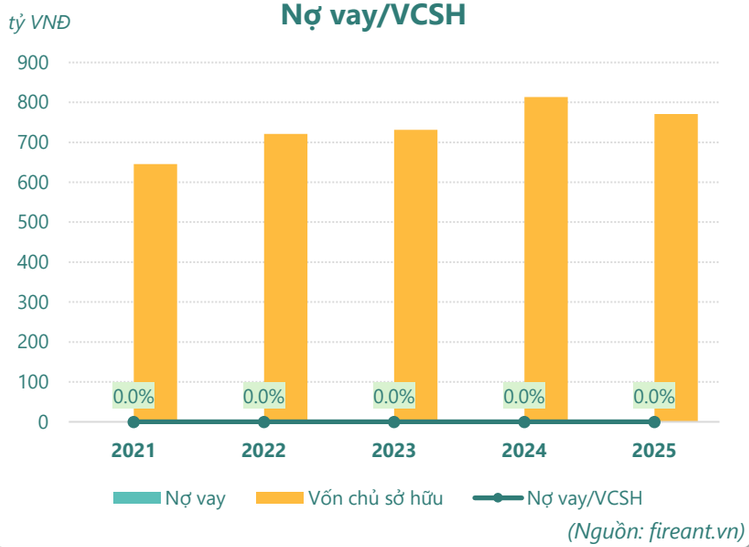
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

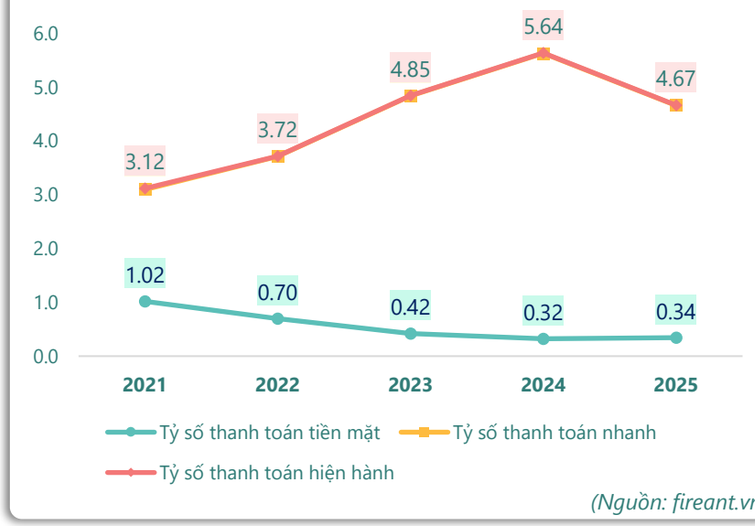
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



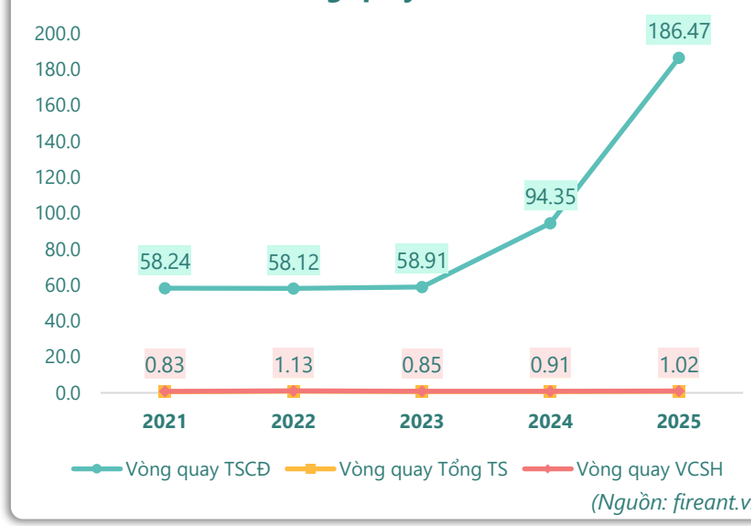
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



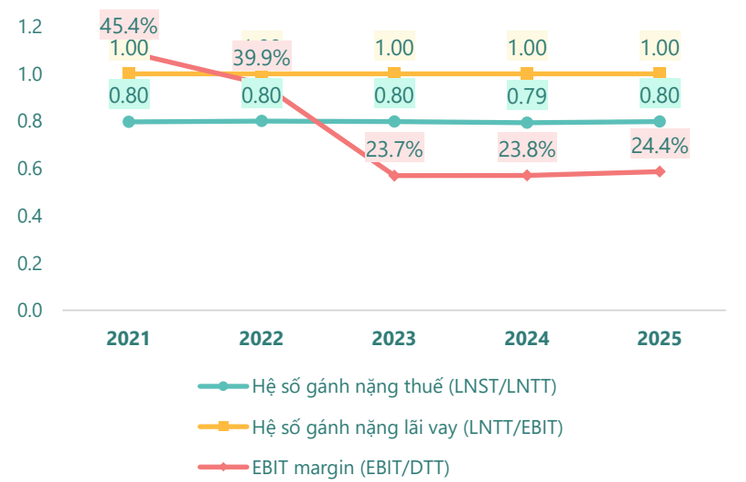
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



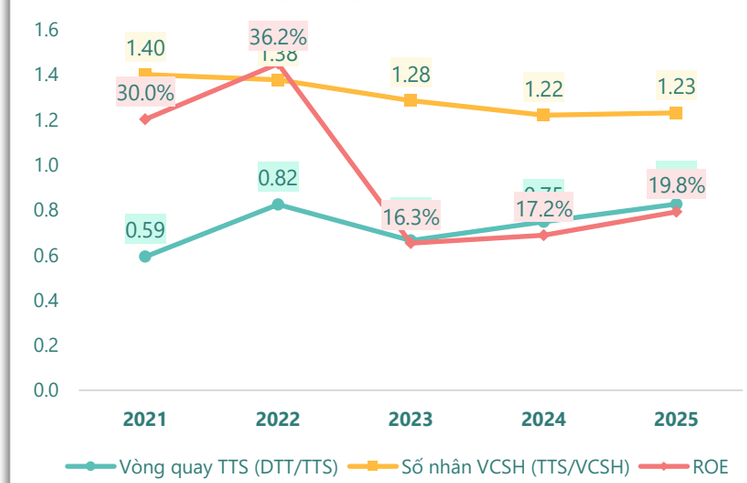
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



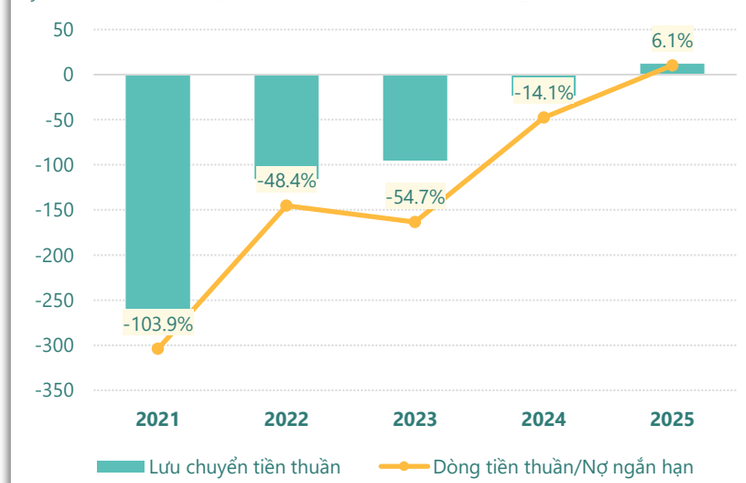
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**256**	**225**	**13.8%**	**805**	**705**	**14.2%**
Giá vốn hàng bán	117	127	-7.7%	407	385	5.6%
Lợi nhuận gộp	139	97.5	42.4%	398	319	24.7%
Doanh thu HĐTC	9.67	12.5	-22.7%	40.9	37.0	10.6%
Chi phí TC	0.00	0.20	-99.4%	0.16	0.21	-26.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	51.9	31.8	63.1%	125	90.4	38.6%
Chi phí QLDN	**37.0**	**29.1**	**27.3%**	**117**	**97.7**	**19.9%**
LN thuần từ HĐKD	59.6	48.9	21.9%	196	168	16.9%
Lợi nhuận khác	**0.09**	**-0.55**	**117%**	**0.11**	**-0.47**	**124%**
LN trước thuế	59.7	48.3	23.6%	196	167	17.3%
Lợi nhuận sau thuế	**47.4**	**37.6**	**26.2%**	**157**	**133**	**18.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**47.4**	**37.6**	**26.2%**	**157**	**133**	**18.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.8	24.4	-47.0	61.4	37.6	54.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.73	-6.99	27.7	134	-51.3	-19.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.8	0	0	-184	0	0
Tiền đầu kỳ	25.4	33.2	53.3	34.6	46.9	33.8
Lưu chuyển tiền thuần	**10.3**	**17.4**	**-19.3**	**10.7**	**-13.7**	**34.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.48	2.66	0.62	1.62	0.60	-0.38
Tiền cuối kỳ	33.2	53.3	34.6	46.9	33.8	67.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**970**	**979**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	925	928	-0.4%
Tiền và tương đương tiền	67.8	53.3	27.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	710	763	-6.9%
Phải thu ngắn hạn	144	108	32.5%
Hàng tồn kho	0.66	1.06	-37.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.44	2.75	-11.2%
Tài sản dài hạn	**45.5**	**50.9**	**-10.6%**
Phải thu dài hạn	3.85	0.60	539%
Tài sản cố định	3.04	5.59	-45.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**38.6**	**44.7**	**-13.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	199	166	20.4%
Nợ ngắn hạn	**198**	**165**	**20.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	25.9	19.1	35.4%
Nợ dài hạn	1.27	0.94	34.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**771**	**814**	**-5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**771**	**814**	**-5.3%**
Vốn điều lệ	185	185	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)